

# XÂY DỰNG PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

● ĐỖ VIỆT HẢI

## TÓM TẮT:

Pháp luật về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay tuy đã có nhiều kết quả tích cực trên hầu hết các phương diện từ vấn đề nhận thức, xây dựng chính sách pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, nhưng những kết quả đó chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và đòi hỏi của thực tế. Bài viết phân tích sự cần thiết xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phát triển nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo và đặt ra vấn đề cần tìm giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật trong thời gian tới, đưa đất nước phát triển với nền kinh tế xanh, sạch và bền vững.

**Từ khóa:** Pháp luật, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam có đường bờ biển trải dài, vùng biển rộng lớn và địa hình đồi dốc đã đem lại cho chúng ta nhiều tiềm năng về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, nhưng hiện nay việc khai thác và đầu tư chưa tương xứng với khả năng và lợi thế sẵn có. Một phần do tính kinh tế của nguồn năng lượng này còn chưa hấp dẫn. Các biện pháp thúc đẩy phát triển mới dừng lại ở chính sách, biện pháp hỗ trợ, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mà chưa được thể chế hóa thành những quy định riêng biệt, chưa có hành lang pháp lý đồng bộ... Đặc biệt, hiện nay biến đổi khí hậu đang diễn ra mang tính toàn cầu, làm thay đổi môi trường, hệ sinh thái, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội. Xuất phát từ yêu cầu trên đòi hỏi chúng ta phải có những chủ trương, quyết sách phù hợp nhằm ứng phó có hiệu quả đối với

các tác động tiêu cực, thúc đẩy bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển nền kinh tế xanh, sạch và bền vững. Do đó, hệ thống hóa các quy định của pháp luật; xây dựng khung pháp lý điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức, áp dụng và thực thi pháp luật về phát triển nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nhằm đa dạng hóa phương thức bảo vệ môi trường, phát triển công nghệ ứng dụng và triển khai phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hiện thực các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia về ứng phó với biến đổi khí hậu là rất cần thiết.

## 2. Định hướng phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo

Việt Nam là nước có tiềm năng lớn về nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nhưng

chưa được quan tâm đầu tư nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ. Hiện nay, Việt Nam mới bước đầu phát triển ứng dụng điện gió, điện mặt trời, phát triển xăng sinh học ở một số nơi... Chúng ta còn thiếu chiến lược, quy hoạch cụ thể và các chính sách đồng bộ, có hiệu quả để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các dạng năng lượng sạch. Nhận thức rõ tầm quan trọng mang tính chiến lược của việc phát triển và ứng dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, từ Đại hội XI của Đảng đã đặt ra nhiệm vụ phải đẩy mạnh phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo. Trong thời gian tới, việc chú trọng phát triển năng lượng sạch, tái tạo sẽ phải là một trong những cơ sở nền tảng để phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao; đó cũng là một nội dung quan trọng của chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, phát triển nền kinh tế xanh. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: "Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống". Thực hiện nhiệm vụ chiến lược trên, Nhà nước có định hướng phát triển như sau:

*Một là*, phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo độc lập nhằm đáp ứng mục tiêu điện khí hóa nông thôn, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

Xây dựng các chương trình phát triển hệ thống điện độc lập từ năng lượng tái tạo và điện quy mô gia đình cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội để hầu hết các hộ dân nông thôn có điện và các hộ dân nông thôn được sử dụng nguồn năng lượng sạch, hợp vệ sinh.

*Hai là*, đầu tư phát triển các nhà máy phát điện sử dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nối lưới:

Nhà nước cần khuyến khích đầu tư phát triển nhà máy phát điện từ nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nối lưới khả thi về kinh tế. Thực hiện hỗ trợ trên cơ sở cạnh tranh, đảm bảo nguồn điện có chi phí hợp lý được huy động vào hệ thống và phát triển các công nghệ năng lượng sạch và năng lượng tái tạo cho mục đích dài hạn. Trong đó, hướng ưu tiên phát triển năng lượng sạch và năng

lượng tái tạo trong giai đoạn tới của Việt Nam nên tập trung vào phát triển thủy điện nhỏ, điện gió, sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp, rác thải để phát điện, sử dụng năng lượng để cấp nhiệt, sấy nông sản, lọc nước sạch, phát triển các hầm khí sinh vật để đun nấu tại nông thôn.

*Ba là*, giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.

Để đạt được mục tiêu này cần cải thiện hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại; Thay đổi cơ cấu sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp và giao thông vận tải; Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm từng bước gia tăng tỷ trọng của các nguồn năng lượng sạch này trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch, tăng cường an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, cần giảm phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất công nghiệp.

*Bốn là*, khai thác sử dụng các loại năng lượng sạch và năng lượng tái tạo thay thế cho nhiên liệu hóa thạch vừa là một yêu cầu khách quan (do cạn kiệt) nhưng vừa là một yêu cầu cấp thiết để ứng phó với biến đổi khí hậu, để bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng của Việt Nam ngày một gia tăng, khả năng cung cấp các nguồn năng lượng nội địa hạn chế. Trong khi tiềm năng nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo của Việt Nam rất lớn, kèm theo nhu cầu sử dụng điện và nhiệt cho sản xuất rất cao thì việc xem xét khai thác nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo sẵn có cho sản xuất điện là rất khả thi cả về công nghệ lẫn hiệu quả kinh tế và môi trường. Phát triển nguồn năng lượng sạch thay thế cho nguồn năng lượng hóa thạch, tăng cường sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng chính là chìa khóa giải quyết bài toán ô nhiễm môi trường, tiết kiệm được nguồn ngoại tệ đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, cũng như

giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ, đảm bảo an ninh lương thực và hướng đến nền kinh tế các-bon thấp.

### **3. Sự cần thiết xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phát triển nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo**

Kể từ năm 2015, Việt Nam đã chuyển từ quốc gia xuất khẩu tinh sang nhập khẩu tinh về năng lượng. Do vậy, sự phát triển của nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo sẽ góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Việc phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo cũng sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững. Đặc biệt là ở cấp quốc gia, bằng cách khai thác các nguồn lực địa phương, tạo ra ngành công nghiệp mới và tạo việc làm.

Điều quan trọng là phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo sẽ tạo cơ hội cho hình thành các doanh nghiệp kinh doanh mới, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhất là hình thành các doanh nghiệp mới. Các doanh nghiệp lớn cũng sẽ được hưởng lợi thông qua đầu tư vào các công nghệ mới như một phần của kế hoạch kinh doanh dài hạn, từ đó nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.

*Thứ nhất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương*

*Một là, phát triển đời sống và cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn.*

Phần lớn các nhà máy thủy điện, các công trình năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nằm ở vùng sâu, vùng xa tại khu vực nông thôn, trong quá trình thi công xây dựng, chủ các dự án đã sử dụng một phần lực lượng lao động tại chỗ. Hệ thống đường giao thông phục vụ cho việc thi công xây dựng và vận hành nhà máy trở thành hệ thống giao thông nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Hai là, phát triển kinh tế đa mục tiêu.*

Ngoài mục đích phát điện, các dự án thủy điện còn góp phần chống lũ trong mùa mưa, cấp nước trong mùa khô, phát triển chăn nuôi thủy sản, tạo ra cảnh quan môi trường có khả năng phát triển du lịch. Phần không gian trên mặt hồ, có thể lắp đặt hệ thống pin mặt trời làm tăng tính hiệu quả của việc sử dụng đất và hiệu quả của dự án.

*Thứ hai, hiệu quả kinh tế - tài chính của các dự án năng lượng tái tạo.*

*Một là, các dự án thủy điện nhỏ được áp dụng Biểu giá chi phí tránh được, bảo đảm nhà đầu tư thu hồi được chi phí và có lợi nhuận hợp lý; góp phần quan trọng cho thu ngân sách của các địa phương có nguồn thủy điện lớn.*

*Hai là, điện năng sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo khác (gió, mặt trời, sinh khối) được áp dụng mức giá bán điện hỗ trợ do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trong nhiều trường hợp đã có thể cạnh tranh được với điện năng sản xuất từ nhiên liệu hóa thạch (than nhập khẩu, dầu...), nhất là khi các tổ chức, cá nhân sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho mục đích năng lượng phải đóng phí môi trường tương ứng với khối lượng nhiên liệu được sử dụng.*

*Thứ ba, những yêu cầu cấp bách đặt ra đối với ứng phó với BĐKH.*

Như ta biết, Hội nghị về Biến đổi khí hậu toàn cầu tổ chức vào tháng 12/2015 tại Paris. Sự thảo luận, tranh luận về vấn đề cắt giảm khí nhà kính đã diễn ra rất gay gắt trong gần 10 ngày giữa các quốc gia trên toàn cầu, trong đó chủ yếu là vấn đề ảnh hưởng đến kinh tế khi phải cắt giảm khí nhà kính hay phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo. Tuy nhiên cuối cùng đã đạt được thỏa thuận có tính ràng buộc về tỷ lệ cắt giảm khí nhà kính để đến năm 2030, nhiệt độ trái đất tăng không quá 2°C.

### **4. Tình hình thực thi pháp luật năng lượng sạch và năng lượng tái tạo trên thực địa**

Tại Việt Nam, Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển kinh tế, giảm ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, cho đến nay lĩnh vực này vẫn còn rào cản. Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức và tầm nhìn của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về công tác này chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, còn chưa coi trọng phát triển bền vững.

**4.1. Một số chủ trương, chính sách, pháp luật chưa được quán triệt và thể chế hóa đầy đủ, kịp thời**

Việc định hướng phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo đã được Đảng và Nhà nước quan tâm từ rất lâu. Thậm chí đã được đưa vào trong văn bản pháp luật cao nhất là Hiến pháp năm 2013. Khoản 2, Điều 63 Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Thực tế, Việt Nam đã và đang tập trung đầu tư nghiên cứu và ứng dụng các nguồn năng lượng sạch, tái tạo. Theo đó, Nhà nước đã có chủ trương phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để tăng cường năng lượng quốc gia; đồng thời hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo, lồng ghép chương trình phát triển năng lượng tái tạo với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

Để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tham gia vào việc phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách ưu đãi để khuyến khích những dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010, Luật Điện lực năm 2012, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo được ưu đãi về thuế, vốn, đất đai để xây dựng cơ sở sản xuất sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch thân thiện với môi trường. Các dự án khi đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo sẽ được hưởng ưu đãi về đầu tư, giá điện và thuế. Tuy nhiên, hiện nay những chính sách này vẫn chưa được cụ thể hóa bằng văn bản pháp luật có thể thực hiện được đối với các nhà đầu tư. Chưa có hệ thống Luật riêng điều chỉnh như Luật Năng lượng sạch và Năng lượng tái tạo.

**4.2. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi**

Mặc dù chính phủ và các Bộ, ngành đã cố gắng

ban hành một số văn bản pháp luật khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực phát triển năng lượng sạch, tái tạo. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư vẫn không mặn mà với lĩnh vực này. Bởi, phát triển năng lượng sạch, tái tạo vẫn là điều mới cho các nhà đầu tư. Chính sách và luật liên quan đến lĩnh vực này cũng có cách hiểu và điều chỉnh không thống nhất, như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả năm 2010: Năng lượng tái tạo gồm sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học và các tài nguyên năng lượng khác có khả năng tái tạo. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: Năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác hoặc Quyết định số 18/2008/QĐ-BTC ngày 18/07/2008: Năng lượng tái tạo là năng lượng được sản xuất từ các nguồn thủy điện nhỏ, gió, mặt trời, địa nhiệt, thủy triều, sinh khối, khí chôn lấp rác thải, khí của các nhà máy xử lý rác thải và khí sinh học hoặc Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009: Sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo là việc sản xuất năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt. Điều này dễ nhận thấy mâu thuẫn trong cách hiểu của chính cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản pháp luật dẫn đến không bao quát hết được nội dung về năng lượng sạch, tái tạo. Do đó, khi triển khai trong thực tiễn giải quyết vụ việc sẽ phát sinh một số dự án không được xem xét hưởng ưu đãi, hỗ trợ vì không được định nghĩa trong văn bản của Chính phủ và các Bộ, ngành.

**4.3. Xây dựng công tác dự báo và quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, thiếu tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, chưa rõ trọng tâm, trọng điểm và nguồn lực thực hiện**

Ngành Năng lượng có tính hệ thống cao nhưng các quy hoạch phân ngành: Điện, Than, Dầu-khí, Năng lượng tái tạo được xây dựng riêng, khá biệt lập, vì vậy thể hiện bất cập, thiếu đồng bộ do: Thời gian quy hoạch chưa thống nhất; Tư liệu, số liệu phục vụ quy hoạch chưa đủ độ tin cậy cần thiết và thiếu đồng bộ, thống nhất giữa các ngành năng lượng; Các nội dung quy hoạch chưa được xem xét, tính toán một cách đồng bộ, dẫn tới khập khiễng, thiếu thống nhất; Cơ cấu, tỷ lệ đầu tư chưa hợp lý

giữa các phân ngành và giữa các giai đoạn quy hoạch; Giá cả của các loại nhiên liệu-năng lượng là đầu vào đầu ra của nhau, nhưng thiếu sự cân đối và tương quan hợp lý.

Phương pháp tính toán xây dựng quy hoạch chưa được quan tâm đầu tư nghiên cứu, nên đã thể hiện sự bất hợp lý ở hai khía cạnh chính: Phương pháp tiếp cận riêng lẻ, thiếu tính hệ thống, đồng bộ; phương pháp và công cụ sử dụng còn chưa thật phù hợp với điều kiện đặc thù Việt Nam, ở một số phân ngành vẫn còn sử dụng phương pháp thủ công truyền thống. Những nhược điểm, bất cập, thiếu đồng bộ của các quy hoạch phân ngành năng lượng là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho các quy hoạch phải điều chỉnh nhiều lần, nhiều công trình điện chậm tiến độ.

#### **4.4. Quản lý nhà nước và việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ**

Sự phối hợp thực hiện mục tiêu phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, qua đó bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội tại các quan chức năng chưa chặt chẽ và thiếu thống nhất. Đường như nhiệm vụ phát triển nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo được giao cho Bộ Công Thương, mà chưa có sự phối hợp mang tính chiến lược với các Bộ, ngành khác để hoạch định cơ chế chính sách, đưa ra các ưu đãi, hỗ trợ pháp lý cho nhà đầu tư.

Việc phân cấp cho địa phương không phù hợp: Các quy hoạch vùng do địa phương quản lý thường được ưu tiên giao cho các đơn vị tư vấn trên địa bàn thực hiện (với lý do là để dễ quản lý); trong khi trình độ, kinh nghiệm còn non kém, hạn chế, điều tra, khảo sát không đầy đủ dẫn đến chất lượng quy hoạch chưa đáp ứng, do vậy, thường xuyên phải điều chỉnh, bổ sung danh mục, sơ đồ khai thác và quy mô dự án chưa nghiên cứu toàn diện lưu vực hoặc địa bàn; chưa cập nhật, hoặc đồng bộ với các quy hoạch khác có liên quan. Các tài liệu cơ bản cho quy hoạch còn thiếu, hoặc độ chính xác thấp do công tác điều tra, khảo sát thực tế còn hạn chế, yếu kém.

Các cơ quan chức năng ở địa phương chưa thực sự quan tâm, phối hợp và chỉ đạo thực hiện trong quy trình lập, góp ý, thẩm định phê duyệt quy hoạch, nghiệm thu dự án.

*Một là*, trong một thời gian dài hoạt động phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo ở nước ta mang tính tự phát vì chưa có chính sách đầy đủ. Mà tự phát thì luôn chập đật, bất chấp khoa học công nghệ, người không biết gì về chuyên môn cũng xin dự án để làm, để kiếm lợi nhuận.

*Hai là*, đối tượng của các dự án là khu dân cư, hộ gia đình vùng sâu, vùng xa, ngoài lưới, tức là qui mô rất nhỏ (như các trạm pin mặt trời có công suất chỉ vài trăm oát (W) đến vài kW; thủy điện nhỏ, tuốc bin gió cũng chỉ có công suất từ vài trăm W đến vài chục kW), sử dụng công nghệ nguồn độc lập (phải dùng ắc qui, ắc, tuổi thọ ngắn); kinh phí một dự án thường chỉ vài ba trăm triệu đồng (đó là danh nghĩa, còn thực chất bị hao hụt đi rất nhiều).

*Ba là*, gần như không ai để ý đến công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sau dự án. Dự án lắp đặt xong, nghiệm thu xong, nhưng sau đó không được quan tâm, không vận hành được và nằm chờ để sửa chữa.

### **5. Kết luận**

Pháp luật về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo ở Việt Nam tuy đã có nhiều kết quả tích cực trên hầu hết các phương diện từ vấn đề nhận thức, xây dựng chính sách pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật nhưng những kết quả đó chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và đòi hỏi của thực tế. Điều này cho thấy xây dựng pháp luật về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo vẫn còn thụ động, gần như đó là thực hiện một nhiệm vụ trước mắt, chưa phải là hoạt động có tính căn bản, lâu dài, chưa có cam kết cao từ phía Chính phủ, môi trường pháp lý chưa đảm bảo, chưa thông thoáng và minh bạch. Việc thực hiện pháp luật về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Điều này là do sự tác động của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà cơ bản là từ sự nhận thức về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, từ chính sách và hệ thống pháp luật, điều kiện địa lý, thổ nhưỡng, khí hậu, do yêu cầu tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế. Vì vậy, điều cốt yếu là tìm ra giải pháp cần thực hiện để nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật trong thời gian tới, đưa đất nước phát triển với nền kinh tế xanh, sạch và bền vững ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Chính phủ (2007), Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Năng lượng tái tạo quốc gia của Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2050, Hà Nội.
6. Chính phủ (2011), Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2011 - 2030, Hà Nội.
7. Chính phủ (2011), Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Hà Nội.
8. Chính phủ (2015), Quyết định số 2068/2015/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Hà Nội.
9. Chính phủ (2016), Quyết định số 428/2016/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030, Hà Nội.
10. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2004), Luật Điện lực, Hà Nội.
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội.
12. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), Luật Đầu tư, Hà Nội.
13. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Hà Nội.
14. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), Luật Thuế bảo vệ môi trường, Hà Nội.
15. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), Luật Điện lực, Hà Nội.
16. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), Hiến pháp, Hà Nội.
17. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội.
18. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), Luật Đầu tư, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 20/11/2017

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 30/11/2017

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/12/2017

Thông tin tác giả:

**ĐỖ VIỆT HẢI**

Văn phòng Luật sư Hồng Giang

Email: 88h36luatsu@gmail.com



**DEVELOP LEGISLATION ON THE DEVELOPMENT OF CLEAN ENERGY AND RENEWABLE ENERGY IN VIETNAM**

● DO VIET HAI

Hong Giang Lawyer Office

**ABSTRACT:**

The law on clean energy and renewable energy development in Vietnam has had positive results in almost all aspects ranging from awareness, legal policy development to law implementation. However, the results do not really meet the potential and requirements of the reality. The paper analyzes the need to develop and improve the law on clean energy and renewable energy development and sets out the issues that need to be addressed to improve the effectiveness of law enforcement in the coming time, thus bringing the country to a green, clean and sustainable economy.

**Keywords:** Law, clean energy, renewable energy.